

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/DS-PT

Ngày 21/12/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Bà Giang Thị Cẩm Thuý

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2.

Trụ sở: Số 40-42-44, Phạm Hồng T, Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Mỹ N, ông Trần Hải Đ, ông Phạm Quốc T1. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khu vực – Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K2; ông Trần Quốc K và bà Huỳnh Phương T2. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ thẻ và tài chính vi mô - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K2. (Theo Quyết định ủy quyền số 4008/QĐ-NHKL ngày 04/10/2023).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1956 và bà Khuru Thị K1, sinh năm 1957. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh H;

3.2. Ông Nguyễn Văn C;

3.3. Ông Nguyễn Văn N2;

3.4. Ông Nguyễn Văn T3;

3.5. Ông Nguyễn Văn Đ1;

3.6. Ông Nguyễn Văn L;

3.7. Chị Võ Thị D;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

(Ông N1, ông L có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 trình bày:

Ngày 27 tháng 3 năm 2012, vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 với Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng số HD9311/HĐTD, theo đó ông N1, bà K1 vay của Ngân hàng số tiền 130.000.000 đồng; mục đích vay nuôi trồng thủy sản; thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 29/3/2013; lãi suất vay 1,9%/tháng, lãi suất vay thay đổi 06 tháng 01 lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,84%/tháng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả lãi.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng ông N1, bà K1 và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012, thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 250, tờ bản đồ số: 7, diện tích 30.025,5m², đất tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 028127, ngày 31 tháng 7 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1.

Sau khi vay tiền ông N1, bà K1 thanh toán được 35.092.128 đồng nợ gốc, 29.907.872 đồng nợ lãi và từ ngày 29/3/2013 thì ngưng thanh toán cho đến nay.

Tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2022, tổng số tiền ông N1, bà K1 nợ Ngân hàng là 593.206.381 đồng, cụ thể:

Nợ gốc: 94.907.872 đồng;

Lãi trong hạn: 0 đồng;

Phạt chậm trả lãi trong hạn: 87.450.618 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 410.874.890 đồng.

Và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính kể từ ngày 17/11/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông N1, bà K1 không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K2 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi và giữ nguyên các yêu cầu còn lại.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 trình bày:

Ngày 27 tháng 3 năm 2012, vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 với Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 có ký kết hợp đồng tín dụng số HD9311/HĐTD, theo đó ông N1, bà K1 vay của Ngân hàng số tiền 130.000.000 đồng; mục đích vay nuôi trồng thủy sản; thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 29/3/2013; lãi suất vay 1,9%/tháng, lãi suất vay thay đổi 06 tháng 01 lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,84%/tháng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả lãi.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, vợ chồng ông N1, bà K1 và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012, thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 250, tờ bản đồ số: 7, diện tích 30.025,5m², đất tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 028127, ngày 31 tháng 7 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông N1, bà K1 chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn thiếu là 94.907.872 đồng, đối với yêu cầu về tiền lãi ông N1 và bà K1 không đồng ý trả do thời hiệu khởi kiện đã hết. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì vợ chồng ông N1 cũng không đồng ý do tài sản thế chấp là tài sản chung của hộ gia đình, chưa chia cho các con nên khi thế chấp vay vốn thì những người con không biết và cũng không có ký tên vào hợp đồng thế chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H có văn bản trình bày ý kiến: Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp do tài sản thế chấp là của chung trong hộ gia đình, ông không biết và cũng không ký tên vào hợp đồng thế chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn N1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Đ1, chị Võ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến hay lời trình bày tại Tòa án.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 đối với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1. Buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ

phần K2 số tiền tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2022 là 505.782.762 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 94.907.872 đồng và nợ lãi quá hạn: 410.874.890 đồng.

Kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HD9311/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HD9311/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2.

2/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi số tiền 87.450.618 đồng.

3/. Vô hiệu hợp đồng thế chấp số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1.

4/. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 đối với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 kháng cáo yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1.

Ngày 30/11/2022, ông Nguyễn Văn N1 kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc 94.907.872đ, tiền lãi 12 tháng theo hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 có đơn yêu cầu xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2, sửa 1 phần Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án

nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng với ông N1, bà K1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2, ông Nguyễn Văn N1 nộp trong hạn luật định. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 27/3/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 ký Hợp đồng tín dụng số 9311/HĐTD với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khru Thị K1, với số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay nuôi trồng thủy sản; thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 29/3/2013; lãi suất vay 1,9%/tháng, lãi suất vay thay đổi 06 tháng 01 lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,84%/tháng; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả lãi. Sau khi vay tiền ông N1, bà K1 thanh toán được 35.092.128 đồng nợ gốc, 29.907.872 đồng nợ lãi và từ ngày 29/3/2013 thì ngưng thanh toán cho đến nay.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1 chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc 94.907.872 đồng, tiền lãi 12 tháng theo hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại khi bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Mặc dù khoản vay giữa ông N1 với Ngân hàng vào ngày 27/3/2012 có thỏa thuận thời hạn là 01 năm (hạn cuối là ngày 28/3/2013 thì hết hạn) nhưng quá trình thực hiện hợp đồng thì Ngân hàng và ông N1 có nhiều lần làm việc với nhau, thỏa thuận lại thời gian trả và được thể hiện tại các biên bản giải quyết nợ, biên bản cam kết thanh toán nợ ngày 07/6/2016, biên bản làm việc ngày 15/5/2020. Do đó, ngày 07/10/2020, Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện buộc ông N1, bà K1 thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo luật định.

Tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 9311/HĐTD thể hiện “*trả đầy đủ lãi tiền vay*” và điểm c khoản 2 Điều 8 Hợp đồng tín dụng số 9311/HĐTD thể hiện “*...hoàn trả vốn vay và tiền lãi vay theo đúng Hợp đồng này*”.

Theo sự thừa nhận giữa các bên, từ ngày 29/3/2013 đến nay ông N1, bà K1 còn nợ tiền gốc là 94.907.872 đồng và chưa thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên ông N1, bà K1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc lãi cho Ngân hàng từ thời gian chưa thanh toán nêu trên đến ngày 16/11/2022

với số tiền 505.782.762 đồng là có căn cứ (trong đó: Nợ gốc: 94.907.872 đồng và nợ lãi quá hạn: 410.874.890 đồng).

[4] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông N1 và bà K1 đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tổng diện tích là 30.025,5m², đất thuộc thửa 250, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 028127 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31 tháng 7 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn N1 và vợ Khuru Thị K1.

Theo công văn số 1358 ngày 29/6/2021 của UBND huyện P xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 028127 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31 tháng 7 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn N1 và vợ là bà Khuru Thị K1 và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông N1, bà K1 gồm có ông Nguyễn Văn N1, bà Khuru Thị K1, ông Nguyễn Thanh H.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ 15 tuổi trở lên đồng ý; đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý; và theo quy định tại khoản 2 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì việc thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất của hộ gia đình phải được tất cả các thành viên có đủ năng lực hành vi dân sự trong hộ gia đình đó thống nhất và ký tên hoặc có văn bản ủy quyền.

Căn cứ các quy định nêu trên, hợp đồng thế chấp số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012 không thể hiện sự đồng ý, không có chữ ký hoặc văn bản ủy quyền của ông H là không tuân thủ theo quy định pháp luật; mặt khác ông H cũng không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp nêu trên là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1 và Ngân hàng thương mại cổ phần K2; chấp nhận một phần ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông N1 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 phải chịu theo quy định pháp luật

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 109, khoản 2 Điều 223, khoản 2 Điều 217 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 157, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Đất đai đã được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 đối với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1. Buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 số tiền tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2022 là 505.782.762 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 94.907.872 đồng và nợ lãi quá hạn: 410.874.890 đồng.

Kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HD9311/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HD9311/HĐTD ngày ngày 27 tháng 3 năm 2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2.

2/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi số tiền 87.450.618 đồng.

3/. Vô hiệu hợp đồng thế chấp số HD9311/HĐTC ngày 27 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 đối với diện tích đất 30.025,5m², thuộc các thửa đất số 250 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AO 028127 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31 tháng 7 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn N1 và vợ Khuru Thị K1

4/ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 đối với ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích đất 30.025,5m², thuộc các thửa đất số 250 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 028127 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31 tháng 7 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn N1 và vợ Khuru Thị K1, trong trường hợp ông N1, bà K1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ để Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 thu hồi nợ

5/ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 450.000 đồng. Ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 chịu 225.000 đồng và Ngân hàng phải 225.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 đã nộp và chi xong. Ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 số tiền 225.000 đồng.

6/ Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn N1 và bà Khuru Thị K1 phải nộp 24.230.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch 300.000 đồng. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là số tiền 12.340.000 đồng theo biên lai số 0009612 ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ trong giai đoạn thi hành án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 còn được nhận lại 12.040.000 đồng.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 phải chịu 300.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005701 ngày 17 tháng 2 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, được chuyển thu án phí.

Ông Nguyễn văn N3 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P
- CCTHADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương